

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018  
của huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị Quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của HĐND tỉnh thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 89/TTr-STNMT ngày 27/02/2018 và của UBND huyện Phú Riềng tại Tờ trình số 206/TTr-UBND ngày 29/12/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Phú Riềng với những nội dung chủ yếu sau đây:**

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch: chi tiết tại bảng 01 kèm theo.
2. Kế hoạch thu hồi các loại đất: chi tiết tại bảng 02 kèm theo.
3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất: chi tiết tại bảng 03 kèm theo.
4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:  
Năm 2018, huyện Phú Riềng không còn đất chưa sử dụng.

**Điều 2.** Sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Phú Riềng được phê duyệt, UBND huyện Phú Riềng có trách nhiệm:

1. Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Ban Quản lý Khu kinh tế, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phú Riềng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP, P. KT, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

10/ **CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Anh Minh*



**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN PHÚ RIỀNG**  
**Bảng 02: Kế hoạch thu hồi đất năm 2018**

STT	Chỉ tiêu	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)									
			Xã Bình Sơn	Xã Bình Tân	Xã Bù Nho	Xã Long Bình	Xã Long Hà	Xã Long Hưng	Xã Long Tân	Xã Phú Riêng	Xã Phú Trung	Xã Phước Tân
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(13)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	<b>Tổng diện tích thu hồi: (1)+(2)</b>	<b>497,33</b>										
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>491,87</b>	<b>15,26</b>	<b>309,19</b>	<b>61,60</b>	<b>9,42</b>	<b>2,60</b>	<b>14,53</b>	<b>44,87</b>	<b>8,27</b>	<b>2,20</b>	<b>23,92</b>
1.1	Đất trồng cây lâu năm	483,78	15,26	309,19	53,51	9,42	2,60	14,53	44,87	8,27	2,20	23,92
1.2	Đất nuôi trồng thủy sản	8,09	-	-	8,09	-	-	-	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>5,46</b>	<b>0,18</b>	<b>-</b>	<b>1,03</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1,03</b>	<b>3,02</b>	<b>0,20</b>	<b>-</b>
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	1,06	-	-	-	-	-	-	0,16	0,90	-	-
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	3,37	0,18	-	-	-	-	-	0,87	2,12	0,20	-
2.3	Đất ở tại nông thôn	1,03	-	-	1,03	-	-	-	-	-	-	-



**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN PHÚ RIÊNG**  
**Bảng 03: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018**

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính									
			Xã Bình Sơn	Xã Bình Tân	Xã Bù Nho	Xã Long Bình	Xã Long Hà	Xã Long Hưng	Xã Long Tân	Xã Phú Riêng	Xã Phú Trung	Xã Phước Tân
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(13)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	748,56	40,24	316,20	221,71	18,67	7,13	27,65	50,38	13,44	16,94	36,20
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	0,75	-	-	-	-	-	0,75	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây lâu năm	739,71	40,24	316,20	213,61	18,67	7,13	26,90	50,38	13,44	16,94	36,20
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	8,10	-	-	8,10	-	-	-	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	0,19	-	-	-	-	-	-	-	0,04	-	0,15
2.1	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	0,19	-	-	-	-	-	-	-	0,04	-	0,15
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	2,01	-	0,03	1,30	-	-	0,13	0,03	0,52	-	-